

## NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP

NGUYỄN THỊ SƠN\*

### TÓM TẮT

*Nông nghiệp Việt Nam có lịch sử phát triển lâu đời, song xuất phát nhỏ bé, manh mún. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực. Trên cơ sở chỉ ra một số hạn chế, tồn tại chủ yếu của nền nông nghiệp Việt Nam, bài báo phân tích những cơ hội và thách thức cần được nhận diện; từ đó, đề xuất các giải pháp phù hợp cần thực hiện để hướng đến một nền nông nghiệp bền vững.*

**Từ khóa:** nông nghiệp, Việt Nam, hội nhập, tồn tại, cơ hội, thách thức.

### ABSTRACT

#### ***Vietnam agriculture – Opportunities and challenges in the context of integration***

*Vietnam agriculture has a long historical development but small and fragmented stemming. This considerably influences to the competitiveness in the context of international and regional integration. Base on clarifying some main weaknesses of Vietnam agriculture, this paper analyses opportunities and challenges to be addressed. Then, some appropriate solutions forward to sustainable agriculture are proposed.*

**Keywords:** agriculture, Vietnam, integration, weakness, opportunity, challenge.

### 1. Đặt vấn đề

Nền kinh tế Việt Nam đi lên từ một nước nông nghiệp nhỏ bé, lạc hậu. Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, đến nay nước ta vẫn còn gần 67% dân cư sống ở nông thôn và 46,2% lực lượng lao động của cả nước đang làm việc trong lĩnh vực nông lâm thủy sản [8]. Trải qua gần 30 năm đổi mới và phát triển, nông nghiệp Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, phát triển theo hướng của nền nông nghiệp hàng hóa, phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực. Tuy nhiên, trong xu hướng toàn cầu hóa ngày càng mở rộng, mức độ hội nhập càng sâu, nếu không có những bước tiến mới, nông nghiệp nước ta sẽ dễ dàng bộc lộ những điểm yếu trong sự cạnh tranh của thị

trường quốc tế. Việc phân tích những hạn chế của nền nông nghiệp có lịch sử phát triển lâu đời trong xu thế mới hiện nay sẽ là cơ sở để chỉ ra những cơ hội cũng như những thách thức mà nông nghiệp Việt Nam sẽ phải đối mặt.

### 2. Những hạn chế của nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập

Trong những năm gần đây, nông nghiệp Việt Nam đã có những bước chuyển quan trọng sang nền nông nghiệp hàng hóa. Từ một nước phải nhập lương thực nhiều năm đã trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai trên thế giới và nhiều nông sản đã có mặt trên thị trường thế giới. Mặc dù vậy, trong bối cảnh hội nhập, nông nghiệp nước ta vẫn còn những tồn tại cần được cải thiện để khẳng

\* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Email: sonngt2001@gmail.com

định vị thế của mình.

(i) *Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp còn chậm*

Trải qua một thời gian dài phát triển, cơ cấu giá trị sản xuất (GTSX) của ngành có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỉ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và tăng dần tỉ trọng ngành thủy sản. Tuy nhiên, sự chuyển dịch ở đây diễn ra với tốc độ còn chậm và cơ cấu này còn có những bất hợp lí với nguồn lực. Tỉ trọng của ngành nông nghiệp tuy giảm nhưng vẫn đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu với hơn 73,6% GTSX của

ngành, trong khi đó thủy sản chỉ chiếm khoảng 24% năm 2014. [8]

Nước ta có rất nhiều tiềm năng để phát triển ngành thủy sản. Đây là ngành mang lại giá trị kinh tế cao, nhưng lại chỉ chiếm một tỉ trọng khá khiêm tốn trong tổng GTSX. Ngược lại, ngành nông nghiệp tuy là một ngành quan trọng nhưng khả năng mở rộng vốn đất hiện nay rất hạn chế, giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi lại thiếu tính ổn định. Đây là hạn chế đầu tiên, cơ bản của nông nghiệp nước ta.

**Cơ cấu GTSX nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2005-2014 (%)**

Năm	Tổng số	Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ nông nghiệp
2005	100,0	73,6	24,6	1,8
2010	100,0	73,4	25,1	1,5
2014	100,0	71,4	26,9	1,7

*Nguồn: [8]*

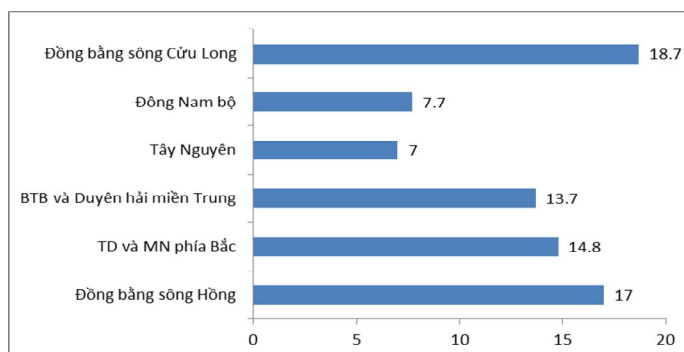
Trong nội bộ ngành nông nghiệp, mặc dù có sự chuyển dịch về cơ cấu, song còn chậm, ngành trồng trọt vẫn là ngành chủ đạo trong khi tài nguyên đất hạn hẹp. Bên cạnh đó, chăn nuôi mới chỉ chiếm khoảng hơn 1/4 trong cơ cấu GTSX ngành nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp vẫn còn là khâu yếu.

Như vậy, có thể nhận thấy hạn chế lớn nhất của ngành nông nghiệp là việc chuyển dịch cơ cấu ngành còn chậm, điều này phản ánh khả năng khai thác tài

nguyên kết hợp với khoa học - công nghệ trong sản xuất còn hạn chế, khiến cho GTSX của ngành còn thấp, chưa tạo nên bước đột phá trong sản xuất và xuất khẩu nông sản.

(ii) *Tỉ lệ đất chưa sử dụng còn khá cao*

Về tổng thể, tài nguyên đất của nước ta vẫn chưa được sử dụng triệt để. Tỉ lệ diện tích đất chưa sử dụng tuy đã giảm nhưng vẫn còn cao. Tính đến năm 2014, tỉ lệ đất chưa sử dụng của cả nước chiếm tới 13,3% (xem Biểu đồ 1).

**Biểu đồ 1.** Tỷ lệ diện tích đất chưa sử dụng phân theo vùng năm 2014

Nguồn: [8]

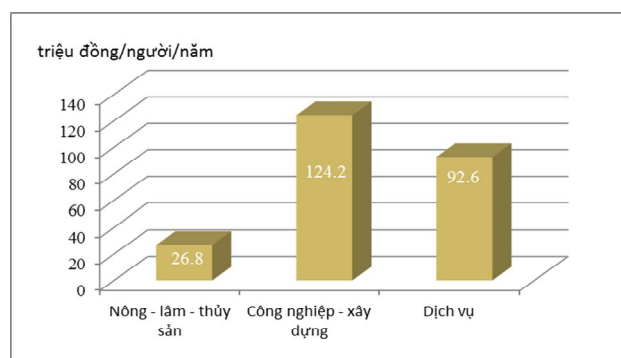
Nếu xét riêng hai đồng bằng: sông Hồng và sông Cửu Long, thì con số này còn cao hơn nữa (tương ứng là 17% và 18,7%). Trong khi đó, hai vùng đồi núi lại có khả năng sử dụng đất hiệu quả hơn, tiêu biểu là Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Đây là hai vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất cả nước, địa hình chủ yếu là cao nguyên, bán bình nguyên, khá thuận lợi cho các loại hình trang trại và hộ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp trên quy mô lớn.

(iii) *Trình độ lao động nông nghiệp còn thấp*

Lao động ở nước ta nói chung và lao

động nông nghiệp nói riêng vẫn còn ở trình độ thấp. Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo ở khu vực nông thôn chiếm tới 88,8%, đặc biệt trong khu vực sản xuất nông - lâm - thủy sản lên tới 96,4% [8] - một tỷ lệ quá lớn trong bối cảnh của hội nhập. Lao động trong nông nghiệp phổ biến còn là thủ công, chủ yếu lao động làm theo kinh nghiệm truyền thống nên năng suất lao động thấp, hiệu quả kinh tế không cao.

So sánh năng suất lao động trong 3 khu vực kinh tế, có thể thấy năng suất lao động nông nghiệp ở nước ta luôn ở mức thấp và thấp hơn rất nhiều so với năng suất lao động công nghiệp và dịch vụ.

**Biểu đồ 2.** Năng suất lao động phân theo ngành năm 2013

Nguồn: [5]

Kinh tế hộ nông dân phần lớn còn nhỏ bé, hiện có trên 12 triệu hộ nông dân với hơn 60 triệu thửa đất nhỏ, manh mún, quy mô sản xuất nhỏ, phân tán đang là trở ngại lớn cho sản xuất nông sản hàng hóa tập trung có quy mô lớn.

(iv) *Ứng dụng khoa học – công nghệ trong nông nghiệp còn hạn chế*

Trong sản xuất nông nghiệp, để nâng cao năng suất và giá trị sản phẩm thì việc áp dụng khoa học công nghệ đóng vai trò quyết định. Tuy nhiên, việc nghiên cứu khoa học công nghệ trong nông nghiệp chưa được toàn diện, vẫn còn những lỗ hổng dẫn đến chất lượng sản phẩm còn thấp. Công nghệ mới chỉ được ứng dụng trong yếu tố đầu vào của sản xuất (tạo ra giống cây trồng, vật nuôi cho năng suất và giá trị tốt), trong khi đó nghiên cứu về bảo quản và xử lý sau thu hoạch rất ít và tác động đến hiệu quả sản xuất chưa cao [3]. Điều này làm cho nông sản của nước ta có sức cạnh tranh thấp, giá thành sản xuất cao dẫn đến lợi

nhuận của nông dân thấp.

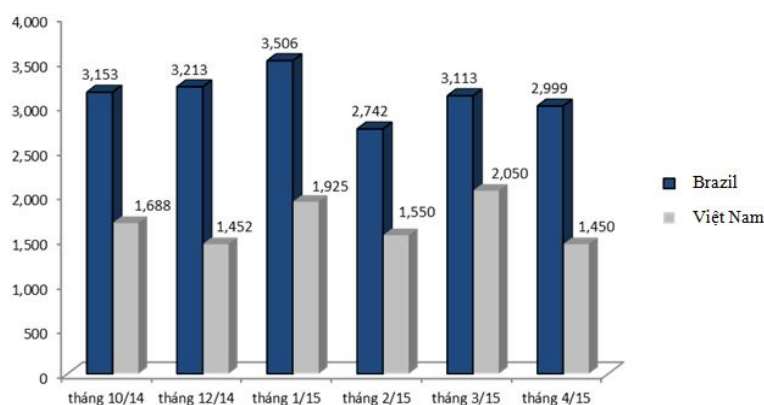
(v) *Sức cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam còn yếu*

Chất lượng nông sản chưa đáp ứng được thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các thị trường khó tính như châu Âu, Mỹ với các tiêu chuẩn nghiêm ngặt. Ví dụ dư thừa lượng kháng sinh trong tôm, thủy sản, chất lượng rau quả vi phạm an toàn thực phẩm, lượng thuốc bảo vệ thực vật cao... Những yếu tố này do chính người sản xuất không nhận thức được đầy đủ, làm ảnh hưởng tới chất lượng và cả thương hiệu của nông sản Việt.

Những mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam như gạo, cà phê, cao su tuy có vị trí hàng đầu thế giới nhưng vẫn phụ thuộc vào biến động giá cả trên thị trường. Trong những năm gần đây, mặc dù Việt Nam là nước xuất khẩu cà phê lớn thứ hai trên thế giới, song sản lượng xuất khẩu không ổn định và thấp hơn nhiều so với Brazil – nước xuất khẩu đứng đầu thế giới.

**Biểu đồ 3.** Sản lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam và Brazil [9]

Đơn vị: Triệu bao (60kg)



Thị phần của một số mặt hàng nông sản chủ yếu của Việt Nam như gạo, cà phê... còn nhỏ bé, không ổn định, thiếu các bạn hàng lớn và chủ yếu xuất khẩu qua thị trường trung gian. Khi những thị trường này có biến động, ngay lập tức gây ảnh hưởng lớn và tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu và tiêu thụ các mặt hàng của Việt Nam

*(vi) Tính liên kết giữa các chủ thể sản xuất kinh doanh chưa được mở rộng*

Mối quan hệ giữa các chủ thể trong chuỗi tham gia sản xuất hàng nông sản chưa được thiết lập bền vững trên cơ sở xử lý hài hòa, cân bằng lợi ích. Do đó, sản xuất thiếu sự gắn kết giữa chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu, dẫn tới xuất khẩu bị động, chưa tìm kiếm được thị trường ổn định. Tỷ lệ hàng hóa tiếp cận được những thị trường lớn có sức mua cao như Mỹ, EU và Nhật Bản còn thấp do tính cạnh tranh cao, khắt khe về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng và các biện pháp bảo hộ nghiêm ngặt của các thị trường này.

### **3. Những cơ hội và thách thức của nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập nền kinh tế thế giới**

Mặc dù còn một số hạn chế nhất định, nông nghiệp Việt Nam vẫn có thể vươn lên khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế và đủ khả năng cạnh tranh trong khu vực nếu nắm bắt được những cơ hội và nhận diện để vượt qua những thách thức trong bối cảnh hội nhập.

#### **3.1. Cơ hội cho nông nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập**

*(i) Mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản*

Tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt

hàng nông – lâm – thủy sản đạt hơn 25,7 tỉ USD năm 2014 [8]. Nhiều mặt hàng chiếm vị trí quan trọng trên thị trường thế giới, trong đó có các mặt hàng chiếm vị trí hàng đầu như gạo, cà phê, hồ tiêu, điều và chè với giá trị xuất khẩu không ngừng tăng.

Cụ thể, tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu mặt hàng gạo, tiêu, chè lần lượt đạt 18%/năm, 22,7%/năm và 10,8%/năm trong giai đoạn 2010 – 2014. Năm 2014, các mặt hàng thủy sản, đồ gỗ, gạo, cao su, cà phê, điều đều đạt kim ngạch trên 1 tỉ USD [8]. Ngành nông nghiệp luôn duy trì được thặng dư thương mại.

*(ii) Sự cạnh tranh quốc tế là động lực thúc đẩy nông nghiệp Việt Nam phát triển*

Tham gia quá trình hội nhập đồng nghĩa với việc chấp nhận cạnh tranh. Mặc dù phải chịu nhiều rủi ro và các yếu tố bất định của thương mại quốc tế, nhưng người nông dân đã từng bước làm quen, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh của nông sản Việt, không ỷ lại vào trợ cấp và hàng rào thương mại của Nhà nước.

*(iii) Hội nhập tạo cơ hội thu hút vốn đầu tư nước ngoài, ứng dụng khoa học – công nghệ.*

Mặc dù thu hút FDI vào nông nghiệp còn rất hạn chế, nhưng tính đến năm 2014, số dự án đầu tư cho nông nghiệp chiếm gần 3,0% tổng số dự án và 1,5% tổng số vốn đầu tư FDI vào Việt Nam [8]. Gần đây, nhiều tập đoàn lớn đã tham gia vào quá trình liên kết trong sản xuất nông nghiệp với mục đích nâng cao năng suất, hiệu quả và tính bền vững trong sản xuất. Đầu tư nước ngoài gần

liên với sự phát triển của công nghệ mới. Những công nghệ này góp phần rất lớn vào tăng năng suất, hiệu quả sản xuất, chế biến và kinh doanh nông sản.

Ngoài những lợi ích có thể dễ dàng nhận thấy như trên, hội nhập còn là cơ hội lớn cho việc cải thiện thể chế, chính sách, bộ máy nhà nước hiệu quả hơn. Cùng với đó, doanh nghiệp trong nước cũng phải thay đổi một cách mạnh mẽ để nắm bắt cơ hội của hội nhập và nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp chế biến nông sản.

### 3.2. Thách thức

(i) *Những rào cản trong xuất khẩu nông sản*

Xu thế phát triển của thương mại nông sản ngày càng phức tạp, hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam sẽ bước vào thời kì cọ xát thương mại. Hàng rào thương mại mang tính kĩ thuật, chống bán phá giá tại nhiều thị trường xuất khẩu sẽ là những rào cản chủ yếu trong xuất khẩu nông sản của Việt Nam ở những năm tới, đặc biệt từ khi chúng ta tham gia kí kết hiệp định TPP (Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương).

(ii) *Yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng hàng nông sản*

Sau khi gia nhập WTO, thách thức lớn nhất của hàng hóa nông sản Việt Nam là phải cạnh tranh quyết liệt với sản phẩm tương tự của các nước thành viên WTO. Phần lớn các mặt hàng gạo, cà phê đều xuất khẩu dưới dạng thô, tỉ lệ sản phẩm qua chế biến còn thấp (các hàng này chiếm tới 55% các mặt hàng xuất khẩu chưa qua chế biến năm 2013) (tính toán từ [8]). Các mặt hàng xuất khẩu của

nước ta chất lượng còn thấp, không đồng đều, ít đa dạng về chủng loại sản phẩm và khả năng đổi mới mặt hàng còn chậm. Trong khi đó, các thị trường xuất khẩu chính của nước ta là Mỹ, EU, Nhật Bản lại rất khó tính và yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm. [5]

Một điều đáng lưu ý là trong quá trình hội nhập, nhiều mặt hàng nông sản thô chưa qua chế biến được xếp vào danh mục hàng nhạy cảm cao để làm chậm quá trình giảm thuế nhập khẩu, còn mặt hàng chế biến lại được xếp vào danh mục hàng cắt giảm thuế nhanh. Như vậy, hàng nông sản thô chưa qua chế biến sẽ ít được hưởng lợi từ quá trình hội nhập, điều này làm cản trở quá trình xuất khẩu nông sản của Việt Nam.

(iii) *Tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu*

Đây là mối đe dọa lớn đối với nền sản xuất nông nghiệp của Việt Nam, nhất là các vùng trọng điểm sản xuất lương thực thực phẩm ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long. Theo kịch bản RCP4.5, vào cuối thế kỉ XXI, nếu nước biển dâng 1m, thì sẽ có khoảng 17,57% diện tích đồng bằng sông Hồng, 1,47% diện tích các tỉnh ven biển miền Trung từ Thanh Hóa đến Bình Thuận, 17,84% diện tích Thành phố Hồ Chí Minh và 4,79% diện tích Bà Rịa - Vũng Tàu có nguy cơ bị ngập. Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực có nguy cơ ngập cao (39,40% diện tích), trong đó tỉnh Kiên Giang có nguy cơ ngập cao nhất (75% diện tích) [1]. Như vậy, những vùng bị ảnh hưởng trực tiếp là những vùng có khả năng sản xuất nông nghiệp,

đặc biệt đe dọa tới an ninh lương thực không chỉ của Việt Nam mà còn ảnh hưởng đến an ninh lương thực thế giới, vì sản lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam đứng thứ hai thế giới, chỉ sau Thái Lan.

Ngoài ra, những diễn biến thời tiết thất thường đã làm gia tăng những tác động xấu cho nông nghiệp ở nhiều địa bàn. Các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long, do khô hạn kéo dài, nước mặn đã xâm nhập sâu, có nơi lấn tới 70km, nên đã dẫn đến tình trạng thiếu nước ngọt, diện tích đất mặn tăng. Hiện tượng El Nino đã làm cho các tỉnh phía Bắc bị hạn hán kéo dài, miền Nam và Tây Nguyên có mùa khô đến sớm và lượng mưa phân bố không đều giữa các vùng làm cho cây trồng, vật nuôi phát triển kém, nhiều dịch bệnh, gây ra thiệt hại lớn về kinh tế cho nông dân.

#### 4. Giải pháp

Những hạn chế của nông nghiệp Việt Nam một phần là do ảnh hưởng của lịch sử phát triển nông nghiệp lâu đời và nhỏ bé. Trong xu thế mới của quốc tế và khu vực, việc khắc phục những hạn chế, nắm bắt cơ hội và đối diện với những thách thức cần có các giải pháp phù hợp được thực hiện đồng bộ.

*(i) Quy hoạch, định hướng phát triển nông nghiệp và thực hiện*

Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu. Quy hoạch tổng thể, liên vùng, liên tỉnh phải đúng tầm, bảo đảm sự tương tác, hỗ trợ, khai thác và phát huy cao độ nguồn lực của đất nước để đẩy mạnh phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực cho nền kinh tế, đồng thời hỗ trợ phát triển các vùng còn nhiều khó khăn. Nội dung

then chốt trong công tác quy hoạch là chất lượng quy hoạch sử dụng đất - tư liệu sản xuất quan trọng nhất.

*(ii) Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong toàn bộ chuỗi sản xuất nông nghiệp*

Đây chính là việc tổ chức lại sản xuất, liên kết giữa các bên, tăng hàm lượng chế biến, tăng hàm lượng về quản lý chất lượng sản phẩm cũng như khẳng định thương hiệu. Làm được những điều này sẽ giúp tăng chất lượng sản phẩm cũng như tăng thêm giá trị mới để chia cho các bên trong các chuỗi giá trị [3]. Khi đó, các bên tham gia mới nâng cao ý thức để làm cho tử tế ở mọi khâu, đảm bảo chất lượng và dần thúc đẩy xuất khẩu gia tăng. Trước hết, cần tận dụng tối đa nguồn lực tạo nên lợi thế cho hàng nông sản, ứng dụng khoa học công nghệ trong tất cả các khâu, tạo mối liên kết trong quá trình sản xuất.

*(iii) Nâng cao trình độ lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật*

Điều cần thiết cho việc ứng dụng công nghệ vào sản xuất, tiếp cận thông tin về thị trường, giảm rủi ro không đáng có trong quá trình sản xuất phải đi đôi với nâng cao trình độ người lao động. Tăng cường khả năng quản lý, tổ chức sản xuất, kiểm tra nghiêm ngặt các quy định của thị trường về chất lượng sản phẩm ngay từ các quá trình đầu vào và đầu ra của sản xuất.

*(iv) Đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp*

Đối với chăn nuôi, sự phát triển ở các loại vật nuôi cần phải có chiến lược giảm thiểu ô nhiễm môi trường, vì chất thải từ chăn nuôi chính là một trong những nguyên nhân gây hiệu ứng nhà

kính. Ngoài các giải pháp ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi ngăn mặn, trữ ngọt, phòng tránh lũ, đảm bảo nước tưới, giữ đất trồng lúa, không chuyển từ đất trồng lúa sang làm khu công nghiệp. Bên cạnh đó cần có các nghiên cứu chọn giống cây trồng, vật nuôi có khả năng chịu hạn, mặn, ngập úng, có sức đề kháng với dịch bệnh cao, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ngoài ra, các giải pháp về đầu tư, chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho nông nghiệp, nông dân, xây dựng thương hiệu cho nông sản, quảng bá mở rộng thị trường, tổ chức lại sản xuất và chế biến cho phù hợp để nâng cao khả năng cạnh

tranh của nông sản... cũng cần được quan tâm thích đáng và được thực hiện đồng bộ với các giải pháp nêu trên.

### 5. Kết luận

So với các ngành kinh tế khác, nông nghiệp đem lại hiệu quả kinh tế thấp và tỉ trọng trong nền kinh tế ngày càng giảm. Tuy nhiên, nông nghiệp Việt Nam vẫn giữ vai trò đảm bảo an ninh lương thực, cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến và tạo nguồn hàng xuất khẩu. Vì thế, việc khắc phục những tồn tại, tranh thủ cơ hội và đổi mới với những thách thức trong bối cảnh hội nhập cần có các giải pháp đồng bộ và hợp lý.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), Cập nhật “Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam”, <http://chuyentrang.monre.gov.vn/ngaykhituongthegioi/dien-bien-kttv-viet-nam/cap-nhat-kich-ban-bien-doi-khi-hau-va-nuoc-bien-dang-cho-viet-nam.html>
2. Ngô Văn Điềm (204), *Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.
3. Đặng Kim Sơn (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Xuân Thảo (2004), *Góp phần phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Thời báo kinh tế Việt Nam và Thế giới 2007- 2008, 2008 – 2009, 2012 – 2013, 2013 – 2014.
6. Nguyễn Văn Thường (2006), *Tổng kết kinh tế Việt Nam 2001 – 2005, Lí luận và thực tiễn*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.
7. Nguyễn Văn Thường (2008), *Kinh tế Việt Nam năm đầu tiên gia nhập tổ chức thương mại thế giới*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.
8. Tổng cục Thống kê (2015), *Niên giám thống kê 2014*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
9. Trung Nghĩa, *Xuất khẩu cà phê của Việt Nam bằng một nửa Brazil*. <http://ndh.vn/ico-xuat-khau-ca-phe-cua-viet-nam-bang-mot-nua-brazil-20150601043129914p4c150.news>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 30-5-2016; ngày phản biện đánh giá: 02-6-2016; ngày chấp nhận đăng: 03-6-2016)